

Mẫu thiết kế kịch bản phân đoạn học liệu trực tuyến

Mô tả chung về môn học

Trường: THPT Nguyễn Hữu Huân.

Môn học: Tiếng Anh 10

Các thông tin cần thiết khác:

Đơn vị: Bộ môn Tiếng Anh

Lớp: 10D3

Giáo viên phụ trách: Trần Nguyễn Trâm Anh

Ngày cập nhật: 15/12/2022

Kịch bản phân đoạn học liệu trực tuyến của môn học

Mục tiêu tổng quát của môn học

Môn học bao gồm các mục tiêu tổng quát (GO) sau:

- GO1: Sử dụng tiếng Anh như một công cụ giao tiếp thông qua bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thông qua các chủ đề về cuộc sống.
- GO2: Phát triển hệ thống kiến thức cơ bản về tiếng Anh, bao gồm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; thông qua tiếng Anh có những hiểu biết sâu rộng hơn về đất nước, con người, nền văn hoá của các nước nói tiếng Anh và của các quốc gia khác trên thế giới, hiểu và tôn trọng sự đa dạng của các nền văn hóa, đồng thời bước đầu phản ánh được giá trị nền văn hoá Việt Nam bằng tiếng Anh.
- GO3: Nghe hiểu ý chính các đoạn hội thoại, đọc thoại.
- GO4: Phát âm rõ ràng, tương đối chính xác các tổ hợp phụ âm, ngữ điệu, nhịp điệu trong câu.
- GO5: Đọc hiểu những ý chính của văn bản về các chủ đề mang tính thời sự và quen thuộc.
- GO6: Viết đoạn văn liền mạch, đơn giản về các chủ điểm mà cá nhân quan tâm và bày tỏ quan điểm, ý kiến cá nhân.

STT	Tên chuyên đề (phần, chương,...)	Mục tiêu chuyên biệt của chuyên đề	Tên chủ điểm trong chuyên đề (phần → chương, chương → bài...)	Loại tài nguyên sử dụng (PDF, Web, audio, video,...)	Tên phân đoạn trong chủ điểm (chương → bài, bài → mục...)	Dung/Thời lượng phân đoạn (số trang, số slide, thời gian,...)
1	Unit 1: Đời sống gia đình (Family life)	Sau khi hoàn thành bài học, học sinh có thể: - Phát âm đúng các phụ âm kép /br/, /kr/ và /tr/ riêng biệt và trong các câu. - Hiểu và sử dụng các từ và cụm từ liên quan đến đời sống gia đình. - Dùng thì hiện tại đơn để diễn tả một điều gì đó diễn ra thường xuyên ở hiện tại, và thì hiện tại tiếp diễn để miêu tả hành động diễn ra tại thời điểm lúc nói. - Đọc thông tin cụ thể trong bài về những lợi ích của việc nhà đối với trẻ em. - Giải thích tại sao trẻ em nên hoặc không nên làm việc nhà. - Nghe được những thông tin cụ thể trong chương trình trò chuyện về đời sống gia đình.	Bài 1: Mở đầu (Getting started)	Powerpoint, web online, sách giáo khoa, audio, đề cương, storyboard, video hướng dẫn học	Warm up and introduction	Trang 8-9
			Bài 2: Ngôn ngữ (language)		Pronunciation /br/, /kr/ and /tr/ Vocabulary: Family life Grammar: Simple present vs Present continuous	Trang 9-10
			Bài 3: Kỹ năng (Skills)		Reading: Benefits of doing housework Speaking: Why should / shouldn't children do housework? Listening: Family support Writing: Writing about family routines.	Trang 11-12 Trang 12 Trang 13 Trang 14-15

		<ul style="list-style-type: none"> - Viết về những sinh hoạt trong gia đình. - Trình bày các ý kiến. - Hiểu các giá trị gia đình ở nước Anh. - Nghiên cứu về Ngày Gia Đình ở Việt Nam hoặc những quốc gia khác và có bài thuyết trình nhóm về nó. 	Bài 4: Giao tiếp và văn hóa (Communication and culture)		Everyday English: Expressing opinions Culture: British family values	Trang 15-16
			Bài 5: Ôn tập và dự án (Looking back and project)		Looking back: pronunciation , vocabulary, grammar Project: Family Day in Viet Nam or other countries	Trang 16-17
2	Unit 2: Con người và môi trường (Humans and the environment)	Sau khi hoàn thành bài học, học sinh có thể: <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm đúng những phụ âm kép /k/, /p/, /gr/ và /pr/ riêng biệt và trong các câu. - Hiểu và dùng những từ và cụm từ liên quan đến các hoạt động và môi trường. - Sử dụng will and be going to để nói về tương lai. - Sử dụng thể bị động. - Đọc tìm ý chính và những thông tin cụ thể trong bài về lối sống xanh. - Nói về các cách để sống xanh. - Nghe được những thông tin cụ thể trong một thông báo về sự kiện xanh. - Viết về những cách để cải thiện môi trường. - Hỏi xin và đưa ra lời khuyên. - Hiểu được thể nào là lượng khí thải CO2. - Lên kế hoạch các hoạt động cho sự kiện Tuần Lễ Sống Xanh và trình bày theo nhóm về sự kiện. 	Bài 1: Mở đầu (Getting started)	Powerpoint, web online, sách giáo khoa, audio, đề cương, storyboard, video hướng dẫn học	Warm up and introduction Go green club Project preparation	Trang 18-19
			Bài 2: Ngôn ngữ (language)		Pronunciation: /k/, /p/, /gr/, and /pr/ Vocabulary: The environment Grammar: + The future with will and be going to + Passive voice	Trang 19-21
			Bài 3: Kỹ năng (Skills)		Reading: Green lifestyle Speaking: Living green Listening: A green event Writing: Writing about suggestions for improving the environment	Trang 21-22 Trang 23 Trang 24 Trang 25
			Bài 4: Giao tiếp và văn hóa (Communication and culture)		Everyday English: Asking for and giving advice Culture: Carbon footprint	Trang 25-26

			Bài 5: Ôn tập và dự án (Looking back and project)		Looking back: pronunciation , vocabulary, grammar Project: Go Green Weekend	Trang 26-27
3	Unit 3: Âm nhạc (Music)	Sau khi hoàn thành bài học, học sinh có thể: - Phát âm những từ hai âm tiết với nhấn âm chính xác. - Hiểu và sử dụng các từ và các cụm từ liên quan đến âm nhạc. - Sử dụng các liên từ để tạo thành các câu ghép. - Sử dụng động từ nguyên thể thêm To và động từ nguyên mẫu theo sau các động từ. - Đọc những thông tin cụ thể trong bài về một chương trình TV âm nhạc nổi tiếng. - Nói về một chương trình âm nhạc trên TV. - Nghe được ý chính và những thông tin cụ thể trong một buổi phỏng vấn về một lễ hội âm nhạc. - Viết một bài blog về trải nghiệm ở một sự kiện âm nhạc. - Đưa ra lời gợi ý và phản hồi. - Xác định về hình thức hát châu văn. - Nghiên cứu về một loại âm nhạc truyền thống ở Việt Nam hoặc ở một đất nước khác và trình bày theo nhóm về nó.	Bài 1: Mở đầu (Getting started)	Powerpoint, web online, sách giáo khoa, audio, đề cương, storyboard, video hướng dẫn học	Warm up and introduction A talented artist Project preparation	Trang 28-29
			Bài 2: Ngôn ngữ (language)		Pronunciation: stress in two-syllable words Vocabulary: Music Grammar: + Compound sentences + To-infinitives and bare infinitives	Trang 29-30
			Bài 3: Kỹ năng (Skills)		Reading: American Idol Speaking: Talking about a TV music show Listening: Enjoying music Writing: Writing a blog about an experience	Trang 31-32 Trang 32 Trang 33 Trang 33-34
			Bài 4: Giao tiếp và văn hóa (Communication and culture)		Everyday English: Making and responding to suggestions Culture: Chau Van singing	Trang 34-35
			Bài 5: Ôn tập và dự án (Looking back and project)		Looking back: pronunciation , vocabulary, grammar Project: Traditional music	Trang 36-37
4	Review 1	Sau khi hoàn thành bài ôn tập này, học sinh có thể ôn lại những kiến thức ngôn	Mở đầu (Introduction)	Powerpoint, web online, sách giáo khoa, audio, đề cương,		

		ngữ và kỹ năng đã học từ bài 1 đến 3	Ngôn ngữ (language)	storyboard, video hướng dẫn học	Pronunciation Vocabulary Grammar	Trang 38-39
			Kỹ năng (Skills)		Listening Speaking Reading Writing	Trang 40-41
5	Unit 4: Vì một cộng đồng tốt hơn (For a better community)	Sau khi hoàn thành bài học, học sinh có thể: - Phát âm các từ hai âm tiết giống nhau nhưng nhấn âm khác nhau. - Hiểu và sử dụng các từ và các cụm từ liên quan đến sự phát triển cộng đồng; các hậu tố tính từ: -ed vs -ing; -ful vs -less. - Sử dụng thì quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn với when và while. - Đọc tìm những ý chính và thông tin cụ thể trong bài về một câu lạc bộ tình nguyện. - Nói về những lợi ích của các hoạt động tình nguyện. - Nghe được những thông tin cụ thể về một thông báo cho các tình nguyện viên. - Viết một đơn xin ứng tuyển cho công việc tình nguyện. - Bày tỏ các cảm xúc. - Xác định những thông tin thực tế về tổ chức Cứu trợ trẻ em và những hoạt động của nó để giúp Việt Nam. - Nghiên cứu về một dự án tình nguyện trong cộng đồng	Bài 1: Mở đầu (Getting started)	Powerpoint, web online, sách giáo khoa, audio, đề cương, storyboard, video hướng dẫn học	Warm up and introduction Volunteering in the community Project preparation	Trang 42-43
			Bài 2: Ngôn ngữ (language)		Pronunciation: stress in two-syllable words with the same spelling Vocabulary: Community development Grammar: + Past simple vs Past continuous with when and while	Trang 43-44
			Bài 3: Kỹ năng (Skills)		Reading: Teenagers and voluntary work Speaking: Benefits of volunteering activities Listening: An announcement for volunteer positions Writing: Writing an application letter for volunteer work	Trang 45 Trang 46 Trang 47 Trang 48
			Bài 4: Giao tiếp và văn hóa (Communication and culture)		Everyday English: Expressing feelings Culture: Save the Children	Trang 49-50

		và trình bày theo nhóm về nó.	Bài 5: Ôn tập và dự án (Looking back and project)		Looking back: pronunciation , vocabulary, grammar Project: A volunteer project	Trang 50-51
6	Unit 5: Các phát minh (Inventions)	Sau khi hoàn thành bài học, học sinh có thể: - Phát âm những danh từ ba âm tiết phổ biến với nhấn âm chính xác. - Hiểu và sử dụng các từ và cụm từ liên quan đến các phát minh. - Sử dụng thì hiện tại hoàn thành, danh động từ và động từ nguyên mẫu thêm to một cách chính xác. - Đọc tìm ý chính và thông tin cụ thể trong bài về phát minh. - Nói về các phát minh và công dụng của chúng. - Nghe được các hướng dẫn về cách sử dụng một phát minh để biết thông tin chi tiết. - Viết về các lợi ích của một phát minh. - Đưa ra và phản hồi các yêu cầu. - Hiểu thế nào là phần cứng máy tính. - Thu nhập thông tin về một phát minh hiện có hoặc tạo ra một phát minh và thuyết trình nhóm về nó.	Bài 1: Mở đầu (Getting started)	Powerpoint, web online, sách giáo khoa, audio, đề cương, storyboard, video hướng dẫn học	Warm up and introduction Inventions for education Project preparation	Trang 52-53
			Bài 2: Ngôn ngữ (language)		Pronunciation: stress in three-syllable nouns Vocabulary: Inventions Grammar: + Present perfect	Trang 53-54
			Bài 3: Kỹ năng (Skills)		Reading: Artificial intelligence Speaking: Inventions and how they are used Listening: Robovaccum Writing: Writing about benefits of an invention	Trang 55 Trang 56 Trang 57 Trang 58
			Bài 4: Giao tiếp và văn hóa (Communication and culture)		Everyday English: Making and responding to requests Culture: Computer hardware	Trang 58-60
			Bài 5: Ôn tập và dự án (Looking back and project)		Looking back: pronunciation , vocabulary, grammar Project: An invention	Trang 60-61
7	Review 2	Sau khi hoàn thành bài ôn tập này, học sinh có thể ôn lại những kiến thức ngôn ngữ và kĩ năng đã học từ bài 4 và 5	Mở đầu (Introduction)	Powerpoint, web online, sách giáo khoa, audio, đề cương, storyboard, video hướng dẫn học		
			Ngôn ngữ (language)		Pronunciation Vocabulary	Trang 62-63

					Grammar	
			Kỹ năng (Skills)		Listening Speaking Reading Writing	Trang 64-65
8	Unit 6: Bình đẳng giới (Gender equality)	Sau khi hoàn thành bài học, học sinh có thể: - Phát âm những tính từ và động từ ba âm tiết với nhấn âm chính xác. - Hiểu và sử dụng các từ và cụm từ liên quan đến bình đẳng giới. - Sử dụng thể bị động với các động từ khiếm khuyết - Đọc tìm các thông tin cụ thể trong bài về bình đẳng giới. - Nói về các lựa chọn nghề nghiệp. - Nghe được các thông tin cụ thể trong một bài nói về người phụ nữ đầu tiên ngoài không gian. - Viết về các công việc cho đàn ông và phụ nữ. - Bày tỏ sự đồng tình và sự phản đối. - Học về bóng đá nữ. - Thực hiện một cuộc khảo sát về nghề nghiệp tương lai của học sinh và báo cáo kết quả khảo sát.	Bài 1: Mở đầu (Getting started)	Powerpoint, web online, sách giáo khoa, audio, đề cương, storyboard, video hướng dẫn học	Warm up and introduction Equal job opportunities Project preparation	Trang 66-67
			Bài 2: Ngôn ngữ (language)		Pronunciation: stress in three-syllable adjectives and verbs Vocabulary: Gender equality Grammar: + Passive voice with modals	Trang 67-68
			Bài 3: Kỹ năng (Skills)		Reading: For an equal world Speaking: Career choices Listening: The first woman in space Writing: Writing about jobs for men and women	Trang 69-70 Trang 70-71 Trang 71 Trang 72
			Bài 4: Giao tiếp và văn hóa (Communication and culture)		Everyday English: Expressing agreement and disagreement Culture: Women's football	Trang 73-74
			Bài 5: Ôn tập và dự án (Looking back and project)		Looking back: pronunciation , vocabulary, grammar Project: Student's future job	Trang 74-75

9	Unit 7: Việt Nam và các tổ chức quốc tế (Viet Nam and international organisations)	Sau khi hoàn thành bài học, học sinh có thể: - Phát âm những từ hơn ba âm tiết với nhấn âm chính xác. - Hiểu và sử dụng các từ và cụm từ liên quan đến các tổ chức quốc tế. - Sử dụng các tính từ so sánh hơn và so sánh nhất - Đọc tìm các thông tin cụ thể trong bài sự giúp đỡ của UNICEF cho nền giáo dục Việt Nam. - Nói về các chương trình cho các cộng đồng. - Nghe được các thông tin cụ thể trong một cuộc trò chuyện về sự tham gia của Việt Nam trong các tổ chức quốc tế. - Viết về sự tham gia của Việt Nam trong các tổ chức quốc tế. - Đưa ra và phản hồi những lời mời. - Học về FAO và những hoạt động của nó để giúp đỡ Việt Nam. - Thực hiện nghiên cứu về một tổ chức quốc tế và thuyết trình theo nhóm về nó.	Bài 1: Mở đầu (Getting started)	Powerpoint, web online, sách giáo khoa, audio, đề cương, storyboard, video hướng dẫn học	Warm up and introduction	Trang 76-77
					Viet Nam and international organisations	
			Bài 2: Ngôn ngữ (language)		Pronunciation: Stress in words with more than three-syllable	Trang 77-78
					Vocabulary: joining international organisations	
					Grammar: comparative and superlative adjectives	
Bài 3: Kỹ năng (Skills)	Reading: UNICEF'S support for Viet Nam's education	Trang 79-80				
	Speaking: Programmes for communities	Trang 80-81				
	Listening: Viet Nam's participation in international organisations	Trang 81-82				
	Writing: Writing about Viet Nam's participation in international organisations.	Trang 82				
Bài 4: Giao tiếp và văn hóa (Communication and culture)	Everyday English: Making and responding to invitations	Trang 83-84				
	Culture: FAO					
Bài 5: Ôn tập và dự án (Looking back and project)	Looking back: pronunciation , vocabulary, grammar	Trang 84-85				
	Project: international organisations.					

10	Unit 8: Những cách mới để học (New ways to learn)	<p>Sau khi hoàn thành bài học, học sinh có thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định và dùng nhấn câu hợp lý - Hiểu và sử dụng các từ và cụm từ liên quan đến những cách khác nhau trong việc học - Hiểu và sử dụng những mệnh đề quan hệ xác định và không xác định với who, that, which, và whose. - Đọc tìm các ý chính và các thông tin cụ thể trong bài về học trực tuyến và trực tiếp. - Nói về những lợi ích và bất lợi của việc học trực tuyến. - Nghe những chỉ dẫn về cách chuẩn bị cho lớp học kết hợp. - Viết về các lợi ích của lớp học kết hợp. - Đưa ra những chỉ dẫn. - Học về những ngôi trường hiện đại. - Thực hiện khảo sát để tìm ra cách mà học sinh dùng những thiết bị điện tử để học và báo cáo kết quả khảo sát theo thuyết trình nhóm. 	Bài 1: Mở đầu (Getting started)	Powerpoint, web online, sách giáo khoa, audio, đề cương, storyboard, video hướng dẫn học	Warm up and introduction	Trang 86-87	
			Bài 2: Ngôn ngữ (language)		New learning activities		
			Bài 3: Kỹ năng (Skills)		Project preparation		
					Pronunciation: Sentence stress		Trang 87-88
					Vocabulary: Different ways of learning		
Bài 4: Giao tiếp và văn hóa (Communication and culture)	Grammar: Relative clauses						
	Reading: Online learning and face-to-face learning	Trang 89-90					
Bài 5: Ôn tập và dự án (Looking back and project)	Speaking: Online learning	Trang 90-91					
	Listening: Blended learning	Trang 91					
	Writing: Benefits of blended learning	Trang 92					
11	Review 3	<p>Sau khi hoàn thành bài ôn tập này, học sinh có thể ôn lại những kiến thức ngôn ngữ và kỹ năng đã học từ bài 6 đến 8</p>	Mở đầu (Introduction)	Powerpoint, web online, sách giáo khoa, audio, đề cương, storyboard, video hướng dẫn học	Everyday English: Giving instructions	Trang 93	
			Ngôn ngữ (language)		Looking back: pronunciation , vocabulary, grammar	Trang 94-95	
			Kỹ năng (Skills)		Project: Electronic devices in student's learning		
Pronunciation	Trang 96-97						
Vocabulary							
Grammar							
Listening	Trang 97-99						

					Speaking Reading Writing	
12	Unit 9: Bảo vệ môi trường (Protecting the environment)	Sau khi hoàn thành bài học, học sinh có thể: - Sử dụng nhân câu một cách hợp lý để nói với nhịp điệu tự nhiên. - Hiểu và sử dụng các từ và cụm từ liên quan đến môi trường và các cách bảo vệ nó. - Sử dụng câu tường thuật. - Đọc tìm các ý chính và các thông tin cụ thể trong bài về các vấn đề môi trường.. - Nói về những biện pháp bảo vệ môi trường. - Nghe được những thông tin cụ thể trong cuộc hội thoại về các cách bảo vệ động vật bị đe dọa. - Viết về tổ chức hoang dã. - Đưa ra và hỏi đáp những lời xin lỗi. - Học về Giờ Trái Đất. - Thực hiện nghiên cứu về một tổ chức môi trường ở địa phương hoặc quốc tế và thuyết trình nhóm về nó.	Bài 1: Mở đầu (Getting started)	Powerpoint, web online, sách giáo khoa, audio, đề cương, storyboard, video hướng dẫn học	Warm up and introduction A presentation on the environment Project preparation	Trang 100-101
			Bài 2: Ngôn ngữ (language)		Pronunciation: Rhythm Vocabulary: environment Grammar: Reported speech	Trang 101-102
			Bài 3: Kỹ năng (Skills)		Reading: Environmental problems Speaking: Solutions to environmental problems Listening: Saving endangered animals Writing: Writing about a wildlife organisation	Trang 103-104 Trang 104-105 Trang 106 Trang 106-107
			Bài 4: Giao tiếp và văn hóa (Communication and culture)		Everyday English: Making and responding apologies Culture: Earth hour	Trang 107-108
			Bài 5: Ôn tập và dự án (Looking back and project)		Looking back: pronunciation , vocabulary, grammar Project: Local or international environmental organisation	Trang 108-109

13	Unit 10: Du lịch sinh thái (Ecotourism)	Sau khi hoàn thành bài học, học sinh có thể: - Xác định những đặc điểm âm điệu và sử dụng âm điệu phù hợp - Hiểu và sử dụng các từ và cụm từ liên quan đến du lịch sinh thái. - Sử dụng các câu điều kiện loại 1 và loại 2 chính xác. - Đọc tìm các thông tin cụ thể trong một bài về lịch trình của tour du lịch sinh thái. - Nói về cách trở thành một khách du lịch sinh thái. - Nghe những thông tin cụ thể trong một bài hướng dẫn du lịch ở Hàn lưu song Mekong. - Viết một quảng cáo trang web cho một chuyến du lịch sinh thái. - Hỏi xin và đưa ra lời khuyên. - Hiểu được những sự khác nhau giữa các loại hình du lịch và tác động của chúng lên môi trường. - Thiết kế một chuyến du lịch sinh thái đến một địa điểm ở địa phương và thuyết trình nhóm về nó.	Bài 1: Mở đầu (Getting started)	Powerpoint, web online, sách giáo khoa, audio, đề cương, storyboard, video hướng dẫn học	Warm up and introduction	Trang 110-111
					An eco-friendly fieldtrip to Phong Nha cave	
			Bài 2: Ngôn ngữ (language)		Pronunciation: Intonation	Trang 111-112
					Vocabulary: Ecotourism	
			Bài 3: Kỹ năng (Skills)		Reading: Ecotour brochures	Trang 113-114
	Speaking: How to become an ecotourist	Trang 114-115				
	Listening: An ecotour in the Mekong delta	Trang 115				
	Writing: Writing a website advertisement for an ecotour	Trang 116				
	Bài 4: Giao tiếp và văn hóa (Communication and culture)	Everyday English: Asking for and giving advice	Trang 117-118			
		Culture: Environmental impact of tourism				
	Bài 5: Ôn tập và dự án (Looking back and project)	Looking back: pronunciation , vocabulary, grammar	Trang 118-119			
		Project: An ecotour to a local attraction				
14	Review 4	Sau khi hoàn thành bài ôn tập này, học sinh có thể ôn lại những kiến thức ngôn	Mở đầu (Introduction)	Powerpoint, web online, sách giáo khoa, audio, đề cương, storyboard, video hướng dẫn học		

		ngữ và kỹ năng đã học từ bài 6 đến 8	Ngôn ngữ (language)		Pronunciation Vocabulary Grammar	Trang 120-121
			Kỹ năng (Skills)		Listening Speaking Reading Writing	Trang 122-123